

Số: 265/2023/QĐST-HNGĐ

Tân Bình, ngày 29 tháng 03 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự ;
- Căn cứ vào các Điều 55, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí số: 91/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ vào Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 158/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu :

- Bà Phạm Thị Hiếu N, sinh năm 198x; Địa chỉ: Đường B, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Ông Lê T, sinh năm 198x; Địa chỉ: Đường S, Phường O, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số x Quyền số x/200x ngày x/x/200x do UBND xã C, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì bà Phạm Thị Hiếu N và ông Lê T là vợ chồng hợp pháp, nay cả hai xin được công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thỏa thuận của các đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Theo bà N trình bày, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do không có được sự chia sẻ, yêu thương, tôn trọng và thông cảm lẫn nhau nên tình cảm vợ chồng không còn. Xét thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng hàn gắn là không có và sự thỏa thuận của hai bên là tự nguyện, không trái pháp luật nên được công nhận.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Phạm Tâm A – sinh ngày x/x/200x và Lê Phạm Hà Y – sinh ngày x/x/201x. Hai bên thỏa thuận bà Nhi được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con. Ông Lê T không cấp dưỡng cho trẻ Tâm A, chỉ cấp dưỡng cho trẻ Hà Y mỗi tháng 7.000.000đồng (Bảy triệu đồng). Nhận thấy, thỏa thuận của hai bên là tự nguyện, không trái pháp luật và ý kiến của hai con là muốn được ở với mẹ nên ghi nhận sự thỏa thuận này.

- Về tài sản chung: Hai bên khai nhận không có nên không xem xét.
- Về nợ chung: Hai bên khai nhận không có nên không xem xét
- Về lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do bà N, ông T chịu toàn bộ.

Đã hết thời hạn 7 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Hiếu N và ông Lê T thuận tình ly hôn.

1.2/ Về con chung: Bà Phạm Thị Hiếu Nhi được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung tên Lê Phạm Tâm A – sinh ngày x/x/200x và Lê Phạm Hà Y – sinh ngày x/x/201x đến khi con chung lần lượt thành niên.

Ông Lê T cấp dưỡng nuôi trẻ Hà Y mỗi tháng 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng). Việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện vào ngày 5 đến ngày 20 (dương lịch) hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ tháng 4 năm 2023 cho đến khi trẻ Hà Y thành niên.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà N đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con cho đến khi thi hành án xong, ông T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

1.3/ Về tài sản chung: Hai bên khai không có.

1.4/ Về nợ chung: Hai bên khai không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do bà Phạm Thị Hiếu N và ông Lê T chịu toàn bộ và được căn trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án do hai bên đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2022/00088x ngày x/x/202x của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Tân Bình;
- CCTHADS quận Tân Bình;
- UBND xã C, huyện H, Tp. Hồ Chí Minh;
- (để ghi vào sổ hộ tịch) theo Giấy chứng nhận kết hôn số x/Quyền số x/200x ngày x/x/200x;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Mai Thị Bích Thảo